

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THANG MÁY HSEVN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THANG MÁY HSEVN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HSEVN VIETNAM ELEVATOR TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HSEVN VIETNAM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 4101644583

3. Ngày thành lập: 25/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 82 Đường Bùi Thị Xuân, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0937383557

Fax:

Email: duong.pham@smarthse.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn (trừ in, tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan tại trụ sở)	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
3.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì thang máy, thang cuốn, thiết bị nâng hạ	3312
7.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
8.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
9.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thang máy, thang cuốn, thiết bị nâng hạ	3320(Chính)
11.	Xây dựng nhà để ở	4101
12.	Xây dựng nhà không để ở	4102
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Xây dựng công trình điện	4221
15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23.	Phá dỡ	4311
24.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
27.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
33.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
37.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4690
38.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
39.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
40.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
41.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
43.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
44.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
46.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
47.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4791
48.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
49.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
53.	Bốc xếp hàng hóa	5224
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
57.	Cơ sở lưu trú khác	5590
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, vũ trường)	5630
62.	Lập trình máy vi tính	6201
63.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
64.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
65.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
66.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312

67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết : Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	6619
68.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, chứng khoán, kế toán, pháp luật)	7020
69.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thiết kế xây dựng công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế quy hoạch khu đô thị và khu công nghiệp; - Thiết kế các công trình xây dựng cầu đường bộ, thiết kế giao thông đường bộ, thiết kế san nền, cấp thoát nước khu đô thị; - Tư vấn thẩm tra và chứng nhận sự phù hợp, về chất lượng công trình xây dựng; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình, địa hình; - Giám sát thi công xây dựng công trình, lĩnh vực xây dựng – hoàn thiện; - Định giá xây dựng; - Thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng; - Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; - Tư vấn giám sát công trình.	7110
70.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất	7410
72.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
73.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
74.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra) (loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Điều hành tua du lịch	7912
79.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
80.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá)	8299

6. **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM VĂN THÀNH	Việt Nam	Số 202 Đường Tăng Bạt Hổ, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	4.000.000.000	40,000	052079022987	
2	PHẠM THỊ NGỌC NỞ	Việt Nam	Tổ 5, Khu An Phú, Thị Trấn Ngô Mỹ, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	3.000.000.000	30,000	052155000368	
3	NGUYỄN THÀNH CHỨC	Việt Nam	Tổ 2, Khu phố 3, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	3.000.000.000	30,000	052088006447	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH CHỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052088006447

Ngày cấp: 01/04/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Khu phố 3, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Khu phố 3, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định